

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thức	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2020)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Hải Ca	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Văn Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phùng Văn Hiến - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Số: 1205/2021/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CI (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.4 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng thể hiện rằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty còn phải thu Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG (Công ty VLXD SG) số tiền là 31.688.810.227 đồng. Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty VLXD SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư cho nhiều nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình xây dựng của Công ty. Sau khi Công ty thực hiện thoái vốn trong công ty con này, Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 và lưu ý người đọc đến vấn đề có liên quan đến các khoản phải thu Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG như đã đề cập đến trong Thuyết minh V.4 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng này.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1



Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2019-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ - CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.511.415.305.454	1.681.788.429.295
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.102.587.067	79.499.531.006
1. Tiền	111		27.102.587.067	74.499.531.006
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	120.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	120.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		906.347.558.307	901.836.522.954
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	103.728.895.250	124.194.243.442
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	176.329.515.910	103.834.931.291
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	363.527.313.637	454.979.594.156
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	281.428.060.304	232.961.879.355
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(18.666.226.794)	(14.134.125.290)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	556.303.274.901	574.184.669.436
1. Hàng tồn kho	141		556.303.274.901	574.184.669.436
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.661.885.179	6.267.705.899
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.517.891.987	416.906.070
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.950.032.061	5.850.799.829
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	11.193.961.131	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.588.773.737	125.096.214.031
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		425.562.141	410.562.141
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	425.562.141	410.562.141
II. Tài sản cố định	220		12.671.706.658	12.265.354.457
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12.610.138.632	12.179.786.431
- Nguyên giá	222		36.927.910.881	33.545.714.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.317.772.249)	(21.365.928.140)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	61.568.026	85.568.026
- Nguyên giá	228		280.000.000	280.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(218.431.974)	(194.431.974)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	75.000.000.000	105.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12.a	75.000.000.000	115.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12.b	1.000.000.000	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12.b	(1.000.000.000)	(10.000.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		494.348.205	2.423.140.700
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	494.348.205	2.423.140.700
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.605.004.079.191	1.806.884.643.326

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.154.757.649.722	1.373.985.991.169
I. Nợ ngắn hạn	310		921.097.574.122	1.356.098.491.169
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	79.261.104.667	86.916.354.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	246.302.298.655	467.756.899.547
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	2.268.775.278	2.584.543.875
4. Phải trả người lao động	314		1.215.507.281	729.911.989
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	11.823.983.894	14.081.115.557
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	259.071.350.899	33.294.367.454
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	321.154.553.448	750.735.298.591
II. Nợ dài hạn	330		233.660.075.600	17.887.500.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	233.660.075.600	17.887.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		450.246.429.469	432.898.652.157
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	450.246.429.469	432.898.652.157
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	(39.818.367.279)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.667.692.056	7.667.692.056
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.997.104.692	49.649.327.380
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kế đến cuối năm trước	421a		49.649.327.380	46.962.485.635
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		17.347.777.312	2.686.841.745
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.605.004.079.191	1.806.884.643.326



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	766.726.713.151	409.804.719.512
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	27.305.124.815
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		766.726.713.151	382.499.594.697
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	745.232.107.317	360.422.298.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		21.494.605.834	22.077.296.019
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	73.165.120.372	97.511.479.214
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	73.895.427.893	88.725.610.598
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.138.697.893	75.967.870.598
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.210.325.059	22.723.347.268
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		5.553.973.254	8.139.817.367
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.143.916.513	121.931.670
12. Chi phí khác	32	VI.7	61.887.729	5.278.899.545
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		1.082.028.784	(5.156.967.875)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.636.002.038	2.982.849.492
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	(10.711.775.274)	296.007.747
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		17.347.777.312	2.686.841.745



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		2020	2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.636.002.038	2.982.849.492
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	3.105.844.109	4.830.479.835
Các khoản dự phòng	03	4.532.101.504	21.213.797.696
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(73.171.484.008)	(95.922.321.781)
Chi phí lãi vay	06	71.138.697.893	75.967.870.598
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.241.161.536	9.072.675.840
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(110.554.313.574)	(149.582.272.245)
Tăng hàng tồn kho	10	17.881.394.535	(94.350.287.185)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(3.896.562.429)	224.155.265.301
Giảm chi phí trả trước	12	(3.172.193.422)	8.681.626.457
Tiền lãi vay đã trả	14	(72.083.769.008)	(74.820.482.439)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(282.530.613)	(10.619.663.631)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(163.500.000)	(510.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(160.030.312.975)	(87.974.037.902)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.512.196.310)	(207.747.045)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.363.636	10.995.454.544
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.140.226.298.154)	(679.579.201.758)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.389.973.935.666	836.506.368.999
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(65.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.000.000	90.502.710.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.189.733.741	67.342.021.653
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	321.441.538.579	260.559.606.393

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2020	2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	882.511.080.285	517.732.173.330
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.096.319.249.828)	(629.540.773.751)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(9.277.803.753)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(213.808.169.543)	(121.086.404.174)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(52.396.943.939)	51.499.164.317
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	79.499.531.006	28.000.366.689
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	27.102.587.067	79.499.531.006



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ đồng, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CIT"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 74,91%.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 156 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 87 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 55 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm có liên quan đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm, Công ty đã giảm vốn góp trong Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi từ 75 tỷ đồng xuống 45 tỷ đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, công ty con đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp liên quan đến việc giảm vốn điều lệ này.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, Công ty đã thực hiện thoái vốn trong Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG từ 100% xuống 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang đầu tư vào một (01) công ty con như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Bất động sản đầu tư** (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Chi phí bán và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ bán bất động sản đầu tư.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết bên dưới)

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	56.025.547	7.169.079
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.046.561.520	74.492.361.927
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	27.102.587.067	79.499.531.006

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan	21.082.327.768	27.745.381.657
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miểu	13.402.852.636	19.715.924.193
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	5.232.839.857	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	1.019.582.875	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	885.001.250	4.663.620.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	66.354.960	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	-	2.890.141.274
Đối tượng khác	82.646.567.482	96.448.861.785
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	37.811.724.478	37.609.753.109
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	13.395.976.141	13.395.976.141
Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh	10.683.373.802	10.683.373.802
Công ty Cổ phần Big Gate	5.033.168.799	5.033.168.799
Các đối tượng khác	15.722.324.262	29.726.589.934
Cộng	103.728.895.250	124.194.243.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan	31.819.390.907	5.354.090.863
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	31.819.390.907	5.354.090.863
Đối tượng khác	144.510.125.003	98.480.840.428
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng E&C	46.341.282.666	55.898.872.497
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Vận tải Hà Thành	29.933.808.210	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 515	13.690.878.527	10.890.878.527
Trả trước cho các đối tượng khác	54.544.155.600	31.691.089.404
Cộng	176.329.515.910	103.834.931.291

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan	231.878.860.569	284.848.840.774
Công ty CII (i)	201.878.860.569	284.848.840.774
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (ii)	30.000.000.000	-
Đối tượng khác	131.648.453.068	170.130.753.382
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (iii)	83.097.621.469	74.808.994.476
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG (iv)	31.688.810.227	43.488.810.227
Các đối tượng khác	16.862.021.372	51.832.948.679
Cộng	363.527.313.637	454.979.594.156

(i) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 41/2016 ngày 21 tháng 10 năm 2016 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa nguồn lực tài chính với tổng hạn mức 410 tỷ đồng và lãi suất là 10%/năm.

(ii) Ngày 6 tháng 3 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 02/2020/HĐQT về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi từ 75 tỷ đồng xuống 45 tỷ đồng. Phần vốn Công ty đã góp đã được hai bên thống nhất chuyển khoản tiền cho vay. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, công ty con đã điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp liên quan đến việc giảm vốn điều lệ này.

(iii) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/HĐHT/2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018, trong đó các bên thỏa thuận rằng Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên ("Lâm Viên") vay tiền bằng cách sử dụng số tiền ở tài khoản giao dịch chứng khoán của Công ty mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành ("Việt Thành") với lãi suất 10,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản tiền Công ty Lâm Viên đã sử dụng và có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty là 82.961.151.851 đồng.

(iv) Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty VLXD SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư cho nhiều nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình xây dựng của Công ty. Sau khi Công ty thực hiện thoái vốn trong công ty con này, Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn thi công các công trình xây dựng	224.019.248.625	195.544.741.474
Ký cược, ký quỹ	31.232.169.319	288.223.999
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	9.036.817.973	8.558.525.800
Các khoản chi hộ	6.556.545.939	6.778.769.409
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	8.304.437.453	19.112.699.988
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Phải thu người lao động	256.832.097	820.409.787
Các khoản phải thu khác	1.310.136.159	1.146.636.159
	281.428.060.304	232.961.879.355
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	425.562.141	410.562.141
	425.562.141	410.562.141
Cộng	281.853.622.445	233.372.441.496
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan:</i>		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	3.632.269.691	1.271.937.188
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	-	7.733.333.334
Công ty CII	2.089.071.489	3.721.511.754
Cộng phải thu các bên liên quan	5.721.341.180	12.726.782.276

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**6. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.035.658.895	-	2.501.065.131	-
Trả trước cho nhà cung cấp	970.793.497	58.122.545	787.642.437	60.498.669
Phải thu ngắn hạn khác	30.691.990.436	15.974.093.489	30.604.467.452	19.698.551.061
Cộng	34.698.442.828	16.032.216.034	33.893.175.020	19.759.049.730
				(14.134.125.290)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	25.388.721.585	-	25.388.721.585	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	515.166.185.582	-	530.665.455.117	-
Hàng hóa	15.748.367.734	-	18.130.492.734	-
Cộng	556.303.274.901	-	574.184.669.436	-

(i) Chi tiết các công trình thi công dở dang:

Công trình thi công mở rộng Xa lộ Hà Nội	262.324.171.410
Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	183.803.300.694
Công trình thi công hạ tầng khu đô thị Thủ Thiêm	31.696.734.031
Công trình thi công xây dựng Quốc Lộ 60, giai đoạn 2	8.399.926.986
Các công trình khác	44.441.321.996
Cộng	530.665.455.117

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

B. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Ngắn hạn		
Hoa hồng môi giới bất động sản	4.089.366.000	-
Phí bảo lãnh thi công các công trình xây dựng	704.518.913	-
Phí cam kết rút vốn	500.000.000	250.000.000
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	42.692.265	-
Các khoản chi phí khác	181.314.809	166.906.070
	5.517.891.987	416.906.070
b. Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	178.550.744	625.404.061
Chi phí thiết kế, sửa chữa văn phòng	156.239.697	237.756.061
Chi phí làm đường công vụ thực hiện dự án	-	754.672.833
Chi phí khác chờ phân bổ	159.557.764	805.307.745
	494.348.205	2.423.140.700
Cộng	6.012.240.192	2.840.046.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	23.985.413.548	8.764.001.023	796.300.000	33.545.714.571
Mua trong năm	1.259.090.910	2.253.105.400	-	3.512.196.310
Thanh lý, nhượng bán	(130.000.000)	-	-	(130.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	25.114.504.458	11.017.106.423	796.300.000	36.927.910.881
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2020	15.901.907.354	4.840.088.283	623.932.503	21.365.928.140
Khấu hao trong năm	1.814.855.939	1.213.078.170	53.910.000	3.081.844.109
Thanh lý, nhượng bán	(130.000.000)	-	-	(130.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	17.586.763.293	6.053.166.453	677.842.503	24.317.772.249

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2020 8.083.506.194 3.923.912.740 172.367.497 12.179.786.431

Tại ngày 31/12/2020

7.527.741.165 4.963.939.970 118.457.497 12.610.138.632

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 10.732.797.930 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 10.762.797.931 đồng).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long. Nguyên giá của các tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 8.157.152.192 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 7.322.501.338 đồng) (xem thêm tại thuyết minh số V.18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020	280.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020	194.431.974
Khấu hao trong năm	24.000.000
Tại ngày 31/12/2020	218.431.974
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020	85.568.026
Tại ngày 31/12/2020	61.568.026

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 160.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	5.836.987.368
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	839.830.635
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	4.997.156.733

Bất động sản đầu tư là giá trị đất tại địa chỉ số 29/3, đường D2, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*chi tiết xem tại thuyết minh số V.18*).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Tuy nhiên, căn cứ vào giá thị trường của những tài sản tương đương và vị trí địa lý của lô đất mà Công ty đang sở hữu, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không có bất cứ tổn thất nào về mặt giá trị của tài sản cần phải ghi nhận vào báo cáo tài chính riêng tại ngày kết thúc niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
a. Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	75.000.000.000	-	(i)	105.000.000.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	-	-		10.000.000.000
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(i)	-
Cộng	76.000.000.000	(1.000.000.000)	(i)	115.000.000.000

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên chưa được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thông nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Sài Gòn cuối kỳ thể hiện giá trị tương ứng với 10% còn lại trong vốn góp vào công ty này sau khi Công ty thực hiện thoái vốn vào ngày 29 tháng 9 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số cơ khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số cơ khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Nam An	15.483.085.887	15.483.085.887	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Công trình 585 Hậu Giang	8.414.192.199	8.414.192.199	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	3.858.285.498	3.858.285.498	11.139.458.064	11.139.458.064
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	1.064.976.274	1.064.976.274	10.012.726.949	10.012.726.949
Phải trả các bên liên quan (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.548.191.100	5.548.191.100
Các đối tượng khác	45.440.564.809	45.440.564.809	60.215.978.043	60.215.978.043
Cộng	79.261.104.667	79.261.104.667	86.916.354.156	86.916.354.156

(i) Chi tiết phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	-	548.191.100	548.191.100
Cộng phải trả các bên liên quan	5.000.000.000	5.000.000.000	5.548.191.100	5.548.191.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan	230.131.250.606	467.337.072.605
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	124.417.522.155	272.267.900.969
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	78.273.248.413	150.905.458.937
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bảy	19.775.961.199	4.600.588.025
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	6.352.170.947	-
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	950.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	362.347.892
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	-	13.445.460.864
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	25.755.315.918
Đối tượng khác	16.171.048.049	419.826.942
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân Dụng E&C	15.489.508.523	-
Các khách hàng khác	681.539.526	419.826.942
Cộng	246.302.298.655	467.756.899.547

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	-	(10.415.767.527)	282.530.613	10.698.298.140
Các khoản khác	-	(495.662.991)	-	495.662.991
Cộng	-	(10.911.430.518)	282.530.613	11.193.961.131
b. Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	563.790.602	4.664.783.436	5.228.574.038	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	296.007.747	(296.007.747)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.724.745.526	1.387.983.825	843.954.073	2.268.775.278
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản khác	-	311.146.438	311.146.438	-
Cộng	2.584.543.875	6.070.905.952	6.386.674.549	2.268.775.278

(i) Trong năm, Công ty xác định lại chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm 2017, 2018 theo ND 132/2020/NĐ-CP và thực hiện giảm trừ vào số thuế TNDN phải nộp năm nay (xem chi tiết thuyết minh VI.8).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí thi công công trình	9.951.309.713	12.106.084.006
Chi phí lãi vay phải trả	1.872.674.181	1.975.031.551
Cộng	11.823.983.894	14.081.115.557

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thu hộ tiền đặt cọc giữ chỗ mua căn hộ (i)	226.754.640.000	-
Các khoản thu hộ khác	26.667.821.681	27.568.702.172
Phải trả các đội thi công	5.217.850.131	3.491.685.868
Phải trả chi phí sử dụng vốn	-	1.254.111.110
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Các khoản phải trả khác	21.039.087	569.868.304
Cộng	259.071.350.899	33.294.367.454

Trong đó, phải trả các bên liên quan:

Lãi vay phải trả Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	1.184.666.666
---	---	---------------

(i) Đây là khoản nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng mua các căn hộ thuộc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm do Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm làm chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
Vay ngắn hạn	321.154.553.448	321.154.553.448	848.462.969.685	1.023.607.138.828	496.298.722.591	496.298.722.591
Các khoản vay bên liên quan (i)	-	-	264.841.993.794	272.841.993.794	8.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vinh Long	248.154.553.448	248.154.553.448	378.700.289.495	342.942.768.638	212.397.032.591	212.397.032.591
Ngân hàng HD Bank - Trung tâm Kinh doanh	50.000.000.000	50.000.000.000	150.000.000.000	250.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11	23.000.000.000	23.000.000.000	54.920.686.396	31.920.686.396	-	-
Các khoản vay của các cá nhân	-	-	-	125.901.690.000	125.901.690.000	125.901.690.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	-	-	-	-	254.436.576.000	254.436.576.000
Cộng	321.154.553.448	321.154.553.448	848.462.969.685	1.023.607.138.828	750.735.298.591	750.735.298.591

(i) Chi tiết các khoản vay các bên liên quan:

Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	-	264.841.993.794	264.841.993.794	-	-
Cộng	-	-	264.841.993.794	272.841.993.794	8.000.000.000	8.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay của các cá nhân	233.660.075.600	233.660.075.600	34.048.110.600	72.712.111.000	272.324.076.000	272.324.076.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	-	-	-	-	(254.436.576.000)	(254.436.576.000)
Cộng	233.660.075.600	233.660.075.600	34.048.110.600	72.712.111.000	17.887.500.000	17.887.500.000
Tổng	554.814.629.048	554.814.629.048			768.622.798.591	768.622.798.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuế tài chính**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
<u>Ngân hàng</u> Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	248.154.553.448	8 tháng	7% - 8,4%	Bổ sung vốn lưu động.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí); - Hệ thống đúc hàng; - Xe ô tô Toyota Camry 51F-827.78; - Xe ô tô Toyota Land Cruiser 51G-337.79; - Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng; - 1.500.000 cổ phiếu NBB do Công ty mẹ (CII) sở hữu; - Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU, biển số 50XA - 5192 - Xe tải tự do biển số 51D-643.09 - Xe tải tự do biển số 51D-645.87
Ngân hàng HD Bank - Trung tâm Kinh doanh	50.000.000.000	12 tháng	10,0%	Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội thực hiện dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1.	8.500.000 cổ phiếu LGC do Công ty mẹ (CII) sở hữu.
Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11	23.000.000.000	12 tháng	9,0%	Bổ sung vốn lưu động.	Trái phiếu phát hành bởi ngân hàng Vietinbank với tổng mệnh giá là 23 tỷ đồng do Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm và Công ty CII sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo):

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
-------------	-------	--------------	----------	--------------	---------------------------------------

Dài hạn

Các khoản vay của các cá nhân	233.660.075.600	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.
-------------------------------	-----------------	----------	------	-----------------------	---------------

Các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	254.436.576.000
Trong năm thứ hai	233.660.075.600	17.887.500.000
	233.660.075.600	272.324.076.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	(254.436.576.000)
Số phải trả sau 12 tháng	233.660.075.600	17.887.500.000

Trong tổng giá trị nợ đến hạn trả đầu kỳ, Công ty đã thực hiện gia hạn thanh toán cho số tiền 185.735.815.000 đồng với kỳ hạn 24 tháng nên tiếp tục được trình bày là khoản nợ dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.458.450.896	47.782.816.187	430.822.899.804
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.686.841.745	2.686.841.745
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(251.089.392)	(251.089.392)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	209.241.160	(209.241.160)	-
Trích thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(360.000.000)	(360.000.000)
Tại ngày 01/01/2020	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	49.649.327.380	432.898.652.157
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	17.347.777.312	17.347.777.312
Tại ngày 31/12/2020	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	66.997.104.692	450.246.429.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000.000)	(2.000.000)
+ Cổ phiếu phổ thông	(2.000.000)	(2.000.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	39.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.500.000	39.500.000
Mệnh giá: 10.000 VND/Cổ phiếu		

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 22 tháng 4 năm 2020, Công ty không chia cổ tức, toàn bộ lợi nhuận của năm 2019 được giữ lại nhằm bổ sung vốn chủ sở hữu phục vụ hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	755.353.801.516	339.896.684.456
Doanh thu bán hàng	5.862.343.067	64.700.433.512
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.504.659.477	5.076.468.968
Doanh thu khác	5.909.091	131.132.576
Cộng	766.726.713.151	409.804.719.512

Các khoản giảm trừ doanh thu

Hàng bán trả lại	-	(27.305.124.815)
Doanh thu thuần	766.726.713.151	382.499.594.697

Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan:

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	640.942.747.584	83.678.048.182
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	35.474.121.577	64.523.155.573
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	31.649.642.862	25.149.982.901
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	25.810.785.843	3.365.775.504
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	19.760.694.918	129.590.801.438
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1.400.000.001	1.458.327.272
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	958.168.861	20.249.204.742
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	926.893.523	
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	-	667.363.636
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	-	(683.458.382)
Cộng	756.923.055.169	327.999.200.866

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	736.211.039.546	319.754.369.573
Giá vốn hàng đã bán	5.940.057.355	37.488.970.902
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	3.081.010.416	3.109.834.227
Giá vốn khác	-	69.123.976
Cộng	745.232.107.317	360.422.298.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi trái phiếu	71.495.446.949	57.305.889.307
Lãi từ chuyển nhượng, thanh lý công ty con	10.000.000	27.892.710.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.659.673.423	12.240.299.907
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	72.580.000
Cộng	73.165.120.372	97.511.479.214

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh với bên liên quan:

Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.659.673.423	1.271.937.188
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1.659.673.423	1.271.937.188

Lãi tiền cho vay và lãi trái phiếu

Công ty CII	50.363.846.488	24.709.467.723
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	2.038.356.164	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	3.037.164.901	12.166.666.667
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	1.619.574.166	2.996.205.946
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	2.026.849.315	361.403.283
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	325.479.452	-
Cộng	61.070.943.909	41.505.680.807

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	71.138.697.893	75.967.870.598
Phí cam kết rút vốn vay	2.750.000.000	2.750.000.000
Dự phòng đầu tư vào công ty con	-	10.000.000.000
Chi phí tài chính khác	6.730.000	7.740.000
Cộng	73.895.427.893	88.725.610.598

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh với bên liên quan:

Công ty CII	11.107.594.086	1.183.591.526
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	8.646.842.092	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	262.030.556	1.206.193.056
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	144.842.466	194.684.932
Thuận	-	3.219.310.262
Cộng	20.161.309.200	5.803.779.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.130.141.087	6.117.305.638
Chi phí đồ dùng văn phòng	786.953.430	637.948.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	780.625.000	810.755.322
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.532.101.504	11.213.797.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.781.978.570	3.116.710.989
Chi phí bằng tiền khác	195.525.468	822.828.823
Cộng	15.210.325.059	22.723.347.268

6. THU NHẬP KHÁC

	2020	2019
	VND	VND
Điều chỉnh khoản thuế GTGT do không phải nộp	563.790.602	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	6.363.636	-
Các khoản thu nhập khác	573.762.275	121.931.670
Cộng	1.143.916.513	121.931.670

7. CHI PHÍ KHÁC

	2020	2019
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	(184.516.553)	441.561.270
Chi phí thiết kế, thi công văn phòng	-	3.107.504.384
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	1.589.157.433
Các khoản chi phí khác	246.404.282	140.676.458
Cộng	61.887.729	5.278.899.545

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.636.002.038	2.982.849.492
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.659.673.423)	(12.240.299.907)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	346.012.725	10.737.489.148
Thu nhập chịu thuế	5.322.341.340	1.480.038.733
Lỗ tính thuế mang sang	-	-
Thu nhập tính thuế	5.322.341.340	1.480.038.733
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.064.468.268	296.007.747
Thuế TNDN năm trước bổ sung	282.530.613	-
Thuế TNDN năm trước điều chỉnh giảm (i)	(12.058.774.155)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(10.711.775.274)	296.007.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

(i) Ngày 5 tháng 11 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ("NĐ 132") thay thế Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Trong đó quy định tổng lãi tiền vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của EBITDA. NĐ 132 có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2020 và cho phép các doanh nghiệp áp dụng hồi tố cho các năm 2017, 2018 và 2019. Phần chênh lệch giữa số thuế phát sinh khi áp dụng NĐ 132 so với NĐ 20 được phép giảm trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020.

Việc áp dụng Nghị định 132 đã làm cho số thuế phải nộp trong các năm 2017, 2018 giảm đi số tiền là 12.058.774.155 đồng và đã được Công ty ghi nhận giảm trừ vào số thuế phải nộp năm nay.

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	172.087.709.599	97.011.533.368
Chi phí công cụ dụng cụ	7.274.269.252	-
Chi phí nhân công	32.627.481.903	15.153.663.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.105.844.109	4.830.479.836
Chi phí dự phòng	4.532.101.504	11.213.797.696
Chi phí mua ngoài	521.024.421.527	252.390.930.972
Chi phí bằng tiền khác	198.525.468	2.545.240.384
Cộng	740.850.353.362	383.145.645.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. DANH SÁCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên danh của tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2020 VND	2019 VND
Công ty CII		
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư	1.872.862.700.000	615.267.994.306
Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư	600.175.076.233	356.458.286.034
Nhận tiền hỗ trợ vốn	1.127.240.000.000	529.620.000.000
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	1.508.400.525	302.872.947.317
Nhận thanh toán chi phí sử dụng vốn	32.544.923.767	20.957.179.719
Thanh toán chi phí sử dụng vốn	491.599.475	577.058.377
Lãi trái phiếu nhận được trong năm	-	965.465.753
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		
Thu tiền từ lợi nhuận được chia	1.181.381.250	3.731.955.204
Giảm vốn trong năm	30.000.000.000	-
Góp vốn trong năm	-	65.000.000.000
Thu hồi tiền cho vay	-	28.912.262.655
Thu tiền lãi cho vay	-	1.833.089.597
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Chuyển vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	200.000.000.000
Thu hồi vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	200.000.000.000
Thu lãi trái phiếu trong năm	9.643.055.556	12.000.000.000
Thu lãi hợp tác đầu tư trong năm	1.127.442.679	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	320.000.000.000	-
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư	60.000.000.000	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	8.000.000.000	19.000.000.000
Tiền đi vay nhận được trong năm	-	22.000.000.000
Lãi vay đã thanh toán trong năm	1.446.697.222	225.134.723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Tiền đi vay nhận được trong năm	9.500.000.000	9.500.000.000
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	9.500.000.000	9.500.000.000
Lãi vay đã trả trong năm	144.842.466	194.684.932
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Tiền đi vay nhận được trong năm	-	25.000.000.000
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	-	25.484.965.262
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	-	2.650.384.766
Lãi vay đã thanh toán trong năm	-	568.925.496
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:		
	2020 VND	2019 VND
Ông Phùng Văn Hiến	851.612.447	560.209.095
Ông Phạm Tiến Đức	543.682.000	402.832.000
Cộng	1.395.294.447	963.041.095

2. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	2020 VND	2019 VND
Số tiền vay thực nhận trong năm		
Tiền vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo kế ước thông thường	617.669.086.491	468.081.788.564
Tiền vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	264.841.993.794	49.650.384.766
Cộng	882.511.080.285	517.732.173.330
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Hoàn trả nợ gốc vay ngân hàng, tổ chức và các cá nhân khác theo kế ước thông thường	823.477.256.034	444.995.398.589
Trả nợ gốc vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	272.841.993.794	184.545.375.162
Cộng	1.096.319.249.828	629.540.773.751

3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

